

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE**GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số **138** thí sinh trong đó: hạng B: 99 thí sinh, hạng C1: 19 thí sinh, hạng C: 08 thí sinh, hạng D2: 12 thí sinh (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày **09/02/2026** tại Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng (địa chỉ: thôn Khánh Thành, xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Lê Thị Mỹ Lương - Phó Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát giao thông, Chủ tịch Hội đồng.

2. Đồng chí Trung tá Biện Lê Quý, Chức vụ: Đội trưởng, Phòng Cảnh sát giao thông, Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. Ông: Đặng Lê Nhật Nguyên, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Hồng Bàng, Ủy viên Hội đồng.

4. Đồng chí Thiếu tá Trần Thanh Tân - Chức vụ: Cán bộ, thư ký.

5. Các sát hạch viên:

- Đồng chí Trung tá Phan Ngọc Tuấn, sát hạch viên;

- Đồng chí Trung tá Trần Hữu Thọ, sát hạch viên;

- Đồng chí Trung tá Đồng Thành Trung, sát hạch viên;

- Đồng chí Trung tá Nguyễn Quang Phú, sát hạch viên;

- Đồng chí Thiếu tá Nguyễn Minh Nghĩa, sát hạch viên;
- Đồng chí Đại úy Nguyễn Phú Thịnh, sát hạch viên;
- Đồng chí Đại úy Trần Văn Phú, sát hạch viên;
- Đồng chí Đại úy Đào Văn Quyết, sát hạch viên.

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại Điều 1, 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, CSGT (SHLX).



Đại tá Lê Quang Dũng

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1082 /QĐ-CAT-CSGT ngày 02/02/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	PHẠM QUỐC AN	7/6/1993	056093013578	Tân Xương 2 Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560201001061/A1	56003-20251001075752147	
2	NGUYỄN NGỌC ÂN	2/2/1996	056096010783	Thôn Phú Sơn, Xã Hòa Trí, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560228011263/A1	56003-20250826155931927	
3	THÁI NGỌC CHÂU	24/10/1979	056079017094	Cây Xoài, Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560033010161/A1	56003-20250819143707667	
4	HỒ THỊ MỸ CHÂU	22/10/1988	066188018300	Phú Khánh Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561074001842/A1	56003-20250925100904847	
5	HUỲNH THỊ MỸ CHÂU	24/4/2004	051304003257	Phước Hạ Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561227009327/A1	0000772	
6	NGUYỄN THỊ CHÂU	7/3/1988	051188001937	Thôn Xuân Đông, Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560249008086/A1	56003-20250829075521007	
7	NGUYỄN THỊ TUYẾT CHINH	5/3/1966	056166001792	91/26 Nguyễn Khuyến Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001147	
8	TRẦN VĂN ĐẠO	29/5/1999	056099009060	Ngọc Sơn Xã Bắc Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	790194007579/A1	0000774	
9	NGUYỄN Y ĐẠT	14/10/1990	056090005169	Gia Mỹ X. Ninh An, TX. Ninh Hòa, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	540094993636/A1	0000931	
10	TRẦN QUẢNG ĐIỀN	29/11/1980	056080005727	24/5/5 Võ Trứ Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560089002927/B2	56003-20251004091215797	
11	NGUYỄN THỊ DƯ	18/11/1992	054192005037	Vinh Châu Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000844	
12	ĐẶNG CÔNG ĐỨC	6/5/1991	040091009880	Xóm 4 Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	Hợp Lệ	520118466314/A1	56003-20251015075136190	
13	LƯƠNG DUY ĐỨC	3/3/1983	037083022474	7A Tân An Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000845	
14	LÊ PHƯƠNG DUNG	16/12/2001	056301001636	Số 22 Đường B1 Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000890	
15	HÀ THANH DỪNG	19/5/1996	056096001231	Thôn 2 X. Diên Phú, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000813	
16	NGUYỄN THANH DỪNG	16/11/1998	056098005662	23 Trần Khánh Dư P. Phước Tân, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0004968	
17	PHẠM VĂN DƯƠNG	1/11/1991	038091010263	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560203011828/A1	0001004	
18	PHẠM LƯƠNG QUANG DUY	1/11/2003	056203005665	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560233007398/A1	0000535	
19	NGUYỄN ANH DUY	17/3/1993	056093011820	Dinh Thành 2 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560110007082/B2	56003-20250614170409530	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
20	BẢO DUY	7/7/1984	056084003310	05B Mê Linh, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560078003205/B	0001265	
21	NGÔ LÊ PHƯƠNG HÀ	21/7/1994	056194003458	66/5 Phương Sài Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561149004080/A1	0000848	
22	TRẦN NGỌC HẢI	20/6/1995	052095001933	Xuân Phú 1 X. Suối Tiên, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560147008922/A1	0000932	
23	ĐỖ HOÀNG BẢO HÂN	1/10/1995	056195006417	17/06 Nguyễn Bình Khiêm Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561219001652/A1	56003-20250923103146640	
24	NGUYỄN THỊ HẰNG	18/2/1986	001186041440	Thôn 7 Xã Phù Đồng, Thành phố Hà Nội	Hợp Lệ		56003-20251011102702387	
25	NGUYỄN THỊ HẰNG	25/8/1988	036188001365	43/3 Đường Song Hào Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20251011165739770	
26	PHAN THỊ THANH HẰNG	25/4/1989	054189009151	Tổ 12 Vĩnh Hội Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AH731026/A1	0000849	
27	NGUYỄN QUỐC HANH	12/4/1996	056096000162	Phú Lộc Tây 4 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560151003173/A1	56003-20251008155854020	
28	CAO ĐỨC HẢO	27/9/1981	056081004944	45 Võ Thị Sáu, Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001376	
29	VÕ THỊ THU HIỀN	20/10/1987	042187019934	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000472	
30	VÕ THÀNH HIỆP	3/6/2002	056202001513	Phú Cang 2 Xã Tu Bông, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560203007760/A1	0000780	
31	CHU THẾ HIẾU	3/1/2001	068201009351	Tổ 17 Xã Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	Hợp Lệ	560230005207/A1	56003-20251007154011757	
32	TRẦN THỊ HÒA	15/4/1995	066195014918	Tân Hợp Xã Ea Drông, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	66117100996/A1	0000850	
33	HỒ TRẦN NGỌC HOAN	27/8/1996	056096008050	150/7 Đường 2/4 Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	790157108655/B2	56003-20251004092257183	
34	MAI ĐỨC HOÀN	14/10/2003	034203014460	Thôn Giải Phóng Phường Ba Ngòi, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	580215004915/A1	0001301	
35	BÙI QUỐC HOÀNG	15/10/1991	056091009143	115 Thống Nhất Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560203014906/B2	56003-20251004091956903	
36	NGUYỄN THANH HOÀNG	20/10/1995	056095000123	Suối Cát X. Cam Hiệp Nam, H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560138005891/A1	0000935	
37	NGUYỄN THỊ KIM HỒNG	2/4/1994	056194000959	Thôn Trung Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001113	
38	TRẦN TRỌNG HỮU	4/3/1997	054097010726	Phụng Tường 1 Xã Phú Hòa 2, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	540154006102/A1	56003-20250920101817113	
39	LẠI MINH HUY	31/5/2001	056201009378	Thôn Cây Xoài, Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560207000545/A1	56003-20250819165223270	
40	DƯƠNG QUỐC HUY	27/11/1996	056096007156	Phước Trạch, Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250922083726940	
41	LÊ GIA HUY	6/7/2001	056201010263	16 Nhị Hà Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250927102646363	
42	NGUYỄN VŨ NHẬT HUY	25/8/2003	056203001509	54B Khúc Thừa Dụ Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560227002488/A1	0001412	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
43	HUỲNH THỊ HUYỀN	30/4/1982	056182005175	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000850	
44	NGUYỄN HỮU NHÂN KHẢI	25/8/2006	056206000645	Hạp Phú Xã Khánh Sơn, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000896	
45	NGUYỄN TRUNG KHÁNH	28/9/2001	056201009709	TDP Hạp Phú Xã Khánh Sơn, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560204003314/B2	56003-20251014170836407	
46	TRẦN HÀ MINH KHÁNH	23/1/1996	056096005488	25 Phường Hưng Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20251011153918303	
47	TRẦN HOÀNG LÂM	5/7/1999	056099005235	Hẻm 58 Đường 2/4 Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560217003550/B2	0000822	
48	NGUYỄN HOÀI Ý LAN	8/3/1997	056197009108	Khánh Xuân, Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561154003599/A1	56003-20250917115614750	
49	LÊ THỊ THÙY LIÊN	24/7/1989	056189010138	Thôn Tà Nĩa Xã Đông Khánh Sơn, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561102003420/A1	56003-20250830151155790	
50	PHẠM THỊ MỸ LINH	12/6/1981	049181010674	Xã Phú Thuận, Thành phố Đà Nẵng	Hợp Lệ	U564613/A1	0000856	
51	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG LINH	15/1/2000	054300003904	Quảng Mỹ Xã Hòa Mỹ, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	791191075002/A1	0000900	
52	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	7/6/2000	056300006582	Thôn 5 Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561192000893/A1	0000431	
53	NGUYỄN VĂN LÚC	25/5/1976	056076012149	An Ninh, Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	K842325/A1	0001348	
54	NGUYỄN THỊ NGỌC LƯƠNG	6/4/1959	072159001317	48/13 Hồ Biểu Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ		0000787	
55	TRẦN ĐỨC MẠNH	11/4/2003	056203011432	Thuận Lợi P. Cam Thuận, TP. Cam Ranh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000376	
56	PHẠM NHẬT MINH	14/9/2007	056207011754	Thôn Cư Thạnh Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20251014152639437	
57	TRẦN THỊ KIỀU MY	23/5/2003	056303007957	TDP Nghĩa Lộc Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000092	
58	ĐẶNG VĂN NAM	3/4/1996	040096007582	Xóm Đông Hồ Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	Hợp Lệ	010191363107/A1	56003-20250927102042543	
59	NGUYỄN ĐÔNG NAM	9/12/1999	056099002796	Khóm Quốc Tuấn Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560224001503/A1	56003-20250930142651793	
60	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀNG NAM	27/1/2005	056205000173	Tổ 15 Ngọc Sơn Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20251008143859883	
61	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	6/3/2002	056202008720	Bắc Vĩnh Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000386	
62	LỮ HẠNH KIM NHÂN	15/5/1987	056087006327	TDP 7 Phường Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0001125	
63	TRẦN THANH NHÂN	9/11/2003	056203011849	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560228011290/A1	0001188	
64	CAO NƯƠNG	10/6/1987	056087010115	Tà Mơ Xã Nam Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000809	
65	PI NĂNG THỊ OANH	12/6/1989	056189008504	Thôn Axay Xã Tây Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20251006082143067	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
66	PHAN THANH PHI	4/5/1994	056094010334	Hội Xương Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560122005283/A1	0000904	
67	HUỲNH QUANG PHỔ	7/8/1973	056073007452	174/21 Lê Hồng Phong Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560009000990/A1	0000905	
68	NGUYỄN HOÀNG PHONG	2/11/2000	056200006527	Hiền Lương Xã Cam An, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560247010135/A1	56003-20250930151753037	
69	TRỊNH MINH PHONG	16/7/1999	056099000115	Phước Hạ Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560241010571/A1	56003-20251009105553463	
70	NGUYỄN HOÀNG PHONG	2/5/2001	056201005367	Thôn 4 Xã Diên Thọ, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560195378042/A1	0000863	
71	HUỲNH TẤN PHÚ	8/9/1981	056081001770	Tdc Vcn Phước Long 2 Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250923153720447	
72	NGUYỄN CHÂU DIỆP PHỤNG	1/4/1992	056192011375	Tổ 4 Phước Toàn Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561119000960/A1	56003-20251003150306503	
73	NGUYỄN LINH PHƯƠNG	4/11/1988	056088010790	Thôn 4 Xã Diên Điền, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560143003626/B2	56003-20251004094056087	
74	NGUYỄN HỒNG QUÂN	7/9/1973	054073008202	Kp Đình Thắng 1 Xã Phú Hòa 1, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	540037658682/A1	0000865	
75	TRẦN QUANG	16/11/1971	056071007938	Vĩnh Phú , H. Cam Lâm, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560037003712/A1	0000755	
76	ĐẶNG MINH QUANG	10/9/2001	056201007018	Thôn 5 Xã Diên Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250719111734787	
77	TRẦN NGỌC QUYỀN	4/9/1981	049081005511	An Thái Xã Thăng Điền, Thành phố Đà Nẵng	Hợp Lệ		0000129	
78	LÊ THI QUỲNH	11/1/1990	040190019452	4B Đường 6C Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561112002123/A1	0000866	
79	NGUYỄN THỤY TÚ QUỲNH	13/8/2001	056301000044	Ông Trịnh, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh	Hợp Lệ		56003-20250911164505387	
80	HUỲNH TẤN SANG	8/4/1979	056079015548	50/22/1 Võ Thị Sáu Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	H665120/A1	56003-20250923171850177	
81	PHAN HỮU SINH	15/9/1986	056086012664	Đồng Đa Xã Tây Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250926075917347	
82	NGUYỄN HÙNG SƠN	10/11/1996	056096009231	173 Tân Hải Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560150002470/A1	56003-20250922092842983	
83	LÊ THÁI SƠN	16/2/1995	035095010797	TDP Đông Hải Phường Duy Hà, Tỉnh Ninh Bình	Hợp Lệ		56003-20251006113121820	
84	NGUYỄN THỊ HỒNG SƯƠNG	10/8/1994	051194013058	Xã Đình Cương, Tỉnh Quảng Ngãi	Hợp Lệ	AV882676/A1	56003-20250604102022620	
85	LÊ QUỐC TÀI	11/9/2002	056202003882	39 Tân Hải Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560216001218/A1	56003-20250925081339230	
86	NGUYỄN ĐỨC MINH TÀI	4/9/1995	056095000805	Lạc Lợi Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	790136757322/A1	0000870	
87	ĐẶNG HỒNG TÂM	21/7/2000	056200004811	Thôn 1, Xã Diên Điền, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560183008852/A1	56003-20250820074119197	
88	PHAN NGUYỄN THÀNH TÂM	12/1/1995	056095012241	Tổ 1 Hà Phước Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560141005631/A	56003-20251009145213430	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
89	LÊ ĐỨC TÂM	29/3/1996	056096006558	Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560156003619/A1	0001034	
90	NGUYỄN THANH TÂN	10/9/2004	056204001788	Thôn Phước Hạ Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560246000342/A1	56003-20250922154639327	
91	LƯU HUỲNH THÁI	18/11/2002	056202007365	2/6 Võ Thị Sáu Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560212002691/A1	56003-20251006082319217	
92	TRẦN NHẬT THÁI	19/9/1995	056095010346	Phan Bội Châu 2 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560178000072/A1	0000910	
93	PHẠM CAO THẮNG	23/5/2000	056200009492	Lập Định 3 Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	790193257409/A1	56003-20250925170410860	
94	NGUYỄN VIỆT THẮNG	11/9/1995	056095009154	Trung 3 Xã Diên Điền, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560202003097/A1	0000911	
95	HOÀNG VĂN THANH	19/1/1980	038080019763	Phú Ân Nam 2 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560121006560/B2	56003-20251014165752987	
96	NGUYỄN HOÀI THANH	15/7/1999	056099003134	Phan Bội Châu1 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	80.112956M/A2	0000796	
97	NGUYỄN SONG THÀNH	5/11/2003	056203001049	Phan Bội Châu 2, Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560216007726/A1	56003-20250820083011507	
98	BÙI THÁI THẢO	13/2/1997	054097011165	18/8 Mai Hắc Đế Phường Cam Ly - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Hợp Lệ	680161001405/B2	56003-20251004094520480	
99	NGUYỄN CHÍ THIỆN	24/8/2005	056205007036	Phú Lộc Đông 2 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560236007328/A1	56003-20250725111140153	
100	TẠ VĂN THIỆN	7/12/2002	054202008975	Hòa Thuận Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20251004081429167	
101	MAI QUỐC THỊNH	19/11/1987	056087003700	12 Đồng Nai Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AF015315/A1	0000874	
102	NGUYỄN THANH THỊNH	13/9/2005	056205008119	Tân Lập Xã Tây Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560234005968/A1	0000912	
103	NGUYỄN QUỐC THỊNH	17/2/2004	056204004154	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560231003714/A1	0001040	
104	MAI NGỌC THÔNG	11/3/2002	056202002944	Phước Điền Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000798	
105	VÕ TRƯƠNG ANH THU'	11/12/1995	056195001957	Thôn 4 Xã Bắc Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561245000818/A1	56003-20251004081210387	
106	NGUYỄN THỊ MINH THU'	27/3/1991	054191000904	Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	541092041521/A1	56003-20250704181135680	
107	HOÀNG THƯƠNG	10/9/1987	056087006948	Thôn Trung 2 Xã Diên Điền, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AK340695/A1	56003-20250930143944913	
108	NGUYỄN THỊ THU THÚY	30/3/1995	056195002516	Lập Định 3 Xã Suối Dầu, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000876	
109	PHAN THỊ NGỌC THÚY	28/11/1999	056199006779	Ô 40 Lô 1735 Hòn Rớ Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561224004437/A1	0000445	
110	PHẠM THỊ BÍCH THỦY	28/4/1989	056189005025	249 Thống Nhất Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000915	
111	PHAN VĂN TIẾN	25/9/2003	056203013498	222/20 Lê Hồng Phong Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250925083937430	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
112	NGUYỄN VĂN TÍNH	29/4/1998	054098007751	Phước Lộc Xã Đức Bình, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ	560164009188/A1	56003-20250929165906867	
113	NGUYỄN HUY TÍNH	20/1/1994	056094000332	Quang Thạnh Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20251009101656460	
114	THÁI CÔNG TỊNH	17/6/1997	056097001550	Ô 14, Lô 639 Hòn Rớ Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560159061186/A1	56003-20251011103424193	
115	PHẠM TRUNG TOÁN	6/10/2001	054201003006	Mỹ Lệ Đông Xã Tây Hòa, Tỉnh Đắk Lắk	Hợp Lệ		56003-2025092610503371	
116	ĐỖ THẾ TOÀN	12/6/1980	056080007849	Tổ 14 Ngọc Thảo Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560168005447/A1	0000599	
117	NGUYỄN PHẠM BẢO TRÂM	26/4/2000	056300007760	Thôn Trung Nam Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	561182002865/A1	56003-20251002091320097	
118	HÀ BẢO ANH TRÂM	17/8/1994	056194010712	Thanh Minh 3 Xã Diên Lạc, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	AV908917/A1	0000548	
119	TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	13/7/1990	066190023212	03 Bể Vắn Đàn Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	661080000225/A1	56003-20250930105505997	
120	TẠ VĂN TRỌNG	21/11/1989	038089032149	Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250820080611893	
121	ĐÀO NHẬT TRƯỜNG	18/8/1990	056090012087	Vĩnh Phú Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250924083205070	
122	VÕ DIỆP TÚ	21/4/1992	056192009494	Ninh Yên Phường Đông Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000802	
123	VŨ ANH TUẤN	17/2/1981	030081018671	326/76/5 Lê Hồng Phong Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560053002627/A1	56003-20251006114105327	
124	TRẦN ANH TUẤN	15/4/1998	056098009891	Hội Xương X. Suối Hiệp, H. Diên Khánh, T. Khánh Hòa	Hợp Lệ	560235002124/A1	0000835	
125	TẠ ANH TUẤN	6/12/2006	056206004840	39S Đồng Nai Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000806	
126	TRẦN HOÀNG TUẤN	21/6/2000	056200008738	122/12 Đồng Nai Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560186008080/A1	0000803	
127	ĐẶNG QUANG TUẤN	10/1/2000	056200011555	6 Hẻm 2 Bửu Đóa Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	960223015891/A1	0001367	
128	BÙI TRỌNG TÙNG	10/3/1995	040095031015	Tân Sơn Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	Hợp Lệ	400130030351/A1	56003-20251009105713420	
129	PHẠM THỊ THANH VÂN	30/8/1987	056187011249	Tổ 1 Vĩnh Diêm Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20251014080936930	
130	PHẠM HỒ HOÀNG VINH	9/9/1995	052095008567	Vĩnh Lợi 2 Xã An Lương, Tỉnh Gia Lai	Hợp Lệ	520148000079/B2	56003-20251004095750440	
131	VÕ NGUYỄN XUÂN VŨ	21/1/1995	056095008252	Phú Ân Nam 2 Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560138000670/B2	56003-20251014165609950	
132	HOÀNG NGUYỄN ANH VŨ	29/9/2002	056202007834	Bắc Vĩnh Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		0000412	
133	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	4/6/1987	056087006763	Vĩnh Phú Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560088003556/A1	56003-20250930145924353	
134	NGUYỄN THỊ THÚY VY	14/4/1990	068190014006	131/29 Đường 2/4, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250829140708057	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
135	PHẠM HUY XUÂN	24/4/1994	056094007856	H.Diệu Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ	560190002872/B2	56003-20251004100717453	
136	PHẠM THỊ NHƯ Ý	22/11/1995	045195006015	Khóm 5 Xã Diên Sanh, Tỉnh Quảng Trị	Hợp Lệ	481140000651/A1	0000881	
137	TRỊNH NGUYỄN HỒNG YẾN	21/1/1996	056196001971	72 Lê Hồng Phong Phường Nam Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hợp Lệ		56003-20250927145342867	

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1082/QĐ-CAT-CSGT ngày 02/02/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Khánh Hòa)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Số chứng chỉ sơ cấp hoặc số chứng chỉ đào tạo hoặc xác nhận hoàn thành khóa đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	NGUYỄN QUANG MINH	7/9/2007	056207005939	59/18 Hoàng Diệu, P. Nha Trang, T. Khánh Hòa	Hợp lệ		56003-20251016164647753	Hạng B - SH lần đầu